TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN L** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 8 - 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Dũng

Bà Nguyễn Thị Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 616/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 733/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Th; địa chỉ: Thôn Đ 3, xã T, huyện V, thành phố H; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ N; địa chỉ: Số 70/430 T, phường N, quận L, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/8/2008 tại UBND phường Niệm Nghĩa, quận L, thành phố H. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2015, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chị và anh N bất đồng về quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Anh N thường xuyên uống rượu say, đánh đập mắng chửi vợ con. Do đó, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được

hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được, chị và anh N đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ N, tạo điều kiện cho chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Đỗ Tiến M, sinh ngày 28/3/2009 và Đỗ Ngọc B, sinh ngày 07/8/2014. Kể từ khi ly thân, chị Thành là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Đỗ N không có tài sản chung.

Tại phiên tòa chị Th vắng mặt song đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Đỗ N, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa song anh N vẫn vắng mặt không có lý do và anh N không có văn bản trình bày quan điểm của mình về việc chị Th xin ly hôn, con chung và tài sản chung.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh của con; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên chị Phạm Thị Th, Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường N và Công an phường N, quận L, thành phố H.

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Phạm Thị Th đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Đỗ N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do thể hiện bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng vi phạm quy định tại khoản 15 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đại điện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Đỗ N; về con chung: Giao con chung tên: Đỗ Tiến M, sinh ngày 28/3/2009 và Đỗ Ngọc B, sinh ngày 07/8/2014 cho chị Phạm Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th

không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Chị Th trình bày không có tài sản chung, anh N vắng mặt và không có lời khai về vụ án nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về tài sản chung; về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Phạm Thị Th có đơn xin ly hôn anh Đỗ N đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tung dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu gửi kèm thể hiện anh Đỗ N có nơi cư trú tại: Số 70/430 T, phường N, quận L, thành phố H, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Đỗ N thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận L, thành phố H.

[3] Nguyên đơn là chị Phạm Thị Th vắng mặt song đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ N đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Thành và anh Đỗ N.

- Về nội dung:

[4] Quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Th và anh Đỗ N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận L, thành phố H vào ngày 22/8/2008. Quá trình chung sống đến năm 2015, chị Th và anh Đỗ N phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Th và anh N bất đồng quan điểm và lối sống nên trong cuộc sống vợ chồng không còn tôn trọng nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau. Chị Th khẳng định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ với nhau được nữa xin được ly hôn anh N để giải phóng cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập các bên đến Toà án để làm việc và tiến hành hoà giải nhưng anh N điều không có mặt, tại phiên toà anh N cũng không có mặt để trình bày quan điểm của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, điều đó cho thấy anh N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, không thiện chí hàn gắn những rạn nứt trong quan hệ vợ chồng. Tài liệu xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh N tại gia đình và địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị Th và anh N từ lâu đã không hoà thuận, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng đều không có kết quả. Hiện chị Th

đang ở tại gia đình mẹ đẻ là bà Phạm Thị Nh. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Đỗ N đã kéo dài, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Đỗ N.

[5] Con chung: Chị Phạm Thị Th và anh Đỗ N có 02 con chung tên Đỗ Tiến M, sinh ngày 28/3/2009 và Đỗ Ngọc B, sinh ngày 07/8/2014. Hiện nay, chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đảm bảo về mọi mặt. Khi ly hôn, chị Th xin được tiếp tục nuôi con. Anh Đỗ N không có văn bản trình bày quan điểm của mình về việc con chung. Mặt khác 02 con chung Đỗ Tiến M và Đỗ Ngọc B đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do đó căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu anh Đỗ N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Tài sản chung:

Chị Phạm Thị Th khai không có tài sản chung, anh N vắng mặt không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Đỗ N.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Đỗ Tiến M, sinh ngày 28/3/2009 và Đỗ Ngọc B, sinh ngày 07/8/2014 đến khi con chung tên Đỗ Tiến M, Đỗ Ngọc B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005433, ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L thành phố H. Chị Phạm Thị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND phường N, q. L, H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự